

Bản án số: **06** /2017/HNGĐ-ST

Ngày 28/7/2017

“*V/v tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNH BÒ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bàn Văn Hoà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Tụ

2. Ông Phạm Nhi

-Thư ký phiên toà: Bà Lư Thu Hương - Thư ký Toà án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2017/TLST-HNGĐ, ngày 31/3/2017, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: Khu P, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái

Vắng mặt; Chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt;

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn V - Sinh năm 1962

Địa chỉ cư trú: Tổ B, khu T, thị trấn Tr, huyện H, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt; Anh Hoàng Văn V có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt;

3. Người làm chứng:

Anh Phạm Văn X (Tên khác: Phạm Duy Q)- Sinh năm 1970

Địa chỉ cư trú: Tổ B, khu N, thị trấn Tr, huyện H, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt; Không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn, ngày 30 tháng 3 năm 2017 và các tài liệu gửi kèm theo đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như sau:

Chị Phạm Thị H (Viết tắt: Chị H) và anh Hoàng Văn V (Viết tắt: Anh V), kết hôn với nhau năm 1985, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND)

thị trấn Tr, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Do chung sống không hợp nhau, chị H và anh V đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay; tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Trong bản đương sự tự khai anh V, xác nhận: Anh và chị H kết hôn năm 1985, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tr, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống khác nhau. Hai người đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh V và chị H xác nhận: Có 02 con chung là Hoàng Thị Y - Sinh ngày 10/12/1987 và Hoàng Văn H - Sinh ngày 29/6/1990. Các cháu đã khôn lớn, thành niên, chị H và anh V không đề nghị Toà án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng anh Phạm Văn X (tên khác: Phạm Duy Q) (Viết tắt: Anh Q) là em trai của chị H xác nhận: Anh Q còn nhớ chính xác năm 1985 anh V và chị H kết hôn, có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Đồng thời hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo tập quán. Hai gia đình lúc đó cư trú tại khu B, thị trấn Tr, huyện H, nhà cách nhau khoảng 200m.

Tài liệu trong hồ sơ UBND thị trấn Tr, huyện H, xác nhận: UBND thị trấn Tr hiện nay không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 1985, 1986, 1987;

UBND xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái, xác nhận: Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại UBND xã S thì từ năm 1985 đến năm 1987 bà H và ông V không đăng ký kết hôn tại UBND xã S.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải 02 lần, anh V đều vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ, không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Toà án. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Mặc dù đương sự không cung cấp được cho Toà án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nhưng căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị H trình bày: Năm 1985 khi chị và anh V kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tr, huyện H. Bị đơn anh V cũng xác nhận việc đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Người làm chứng anh Q là em trai của chị H, xác nhận: Năm 1985 khi kết hôn với nhau, anh V và chị H có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn, hai bên gia đình còn tổ chức đám cưới theo tập quán địa phương, lúc đó hai nhà cách nhau khoảng 200m, đều ở khu B, thị trấn Tr, huyện H. Bút lục số 18, UBND thị trấn Tr, huyện H, xác nhận: “ Hiện nay không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 1985, 1986, 1987 ”, không phải trong sổ không có tên chị H và anh V đăng ký kết hôn. Vì vậy có đủ căn cứ xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V năm 1985 là hợp pháp. Hơn nữa nam, nữ chưa có vợ, chưa có chồng kết hôn với nhau trước ngày 03/01/1987, vẫn được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế.

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định được: Sau khi kết hôn anh V, chị H đã cùng nhau chăm lo xây dựng cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận hạnh phúc; có với nhau 02 con và mua sắm tài sản, xây dựng được nhà riêng, ở tổ B, khu T, thị trấn Tr, huyện H. Đến năm 2000 vợ chồng anh V, chị H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân theo anh V và chị H là do quan điểm sống khác nhau. Người làm chứng anh Q xác định rõ thêm (Bút lục: 57a): Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh V và chị H là do anh V không có công ăn việc làm, lại còn hay đi cờ bạc. Để cải thiện quan hệ hôn nhân, năm 2000 anh V và chị H đã bán nhà ở tổ B, khu T, thị trấn Tr, huyện H, tỉnh Quảng Ninh chuyển đến xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái cư trú, nhưng cuộc sống chung giữa hai người không được như mong muốn, nên anh V về thị trấn Tr, huyện H, tỉnh Quảng Ninh sinh sống còn chị H cùng các con vẫn cư trú tại tỉnh Yên Bái từ năm 2000 đến nay. Nay chị H xét thấy thực tế vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Tại bản đương sự tự khai ngày 12/4/2017 và Biên làm việc ngày 12/4/2017(Bút lục: 45,49) anh V xác nhận: Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2000 đến nay, nay chị H xin ly hôn, anh V đồng ý. Do anh V vắng mặt tại phiên hoà giải, Toà án không tiến hành hoà giải được, nên phải đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt. Hội đồng xét xử cho rằng: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V đã thật sự trầm trọng, hai người không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy nghĩ cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh V.

[2] Về con chung:

Anh V và chị H xác nhận: Vợ chồng có 02 con chung là: Hoàng Thị Y - Sinh ngày 10/12/1987 và Hoàng Văn H - Sinh ngày 29/6/1990, các cháu đều thành niên, chị H và anh V không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn:

Anh V và chị H không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn V.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, theo Biên lai thu tiền số 0003119, ngày 31/3/2017. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn trong vụ án biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện H
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh
- UBND thị trấn Tr, huyện H
- THA-DS huyện H
- Lưu Hồ sơ, án văn

Bàn Văn Hoà